

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2021/DSST**
Ngày : 25-6-2021
V/v “Đòi bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sô Thị Mẹo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Trọng Tỳ và ông Đinh Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Bùi Khắc Nghiệp, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 63/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc “Đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-DS ngày 05/5/2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2021/QĐST-DS ngày 21/5/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Đặng Công N**, sinh năm 1958.

Trú tại: Khu phố T, thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên.

Hiện ở: Khu phố B, thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên.

- Bị đơn: Ông **Trần Văn H**, sinh năm 1964.

Trú tại: Khu phố T, thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:

** Nguyên đơn trình bày:*

Ông Trần Văn H (trước đây là cán bộ địa chính huyện S) trong quá trình thực thi công vụ, cụ thể giao đất thực địa cắm mốc cho ông Đoàn Văn C xóm Thổ Đá, khu phố B, thị trấn C đã có hành vi chuyển đổi sơ đồ để cấp đất chồng lấn lên đất của tôi, hành vi của ông Trần Văn H đã tạo tiền đề làm cơ sở cho bà Trịnh Thị N1 khởi kiện tôi trong suốt 04 năm. Tại Bản án phúc thẩm đã bác đơn yêu cầu bà Trịnh Thị N1, tất cả điều này là do hành vi thi hành công vụ trái pháp luật của ông Trần Văn H.

Tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và theo Điều 598 bộ luật dân sự quy định về bồi thường thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra số tiền 12.200.000 đồng. Cụ thể:

- Tiền công 06 lần đến Tòa án huyện S 6 lần x 200.000 đồng = 1.200.000 đồng.

- Tiền công xăng xe 04 lần đến Tòa án mhaam dân tỉnh Phú Yên 4 lần x 250.000 đồng = 1.000.000 đồng.

- Tiền thiệt hại và bồi thường danh dự = 10.000.000 đồng.

Tổng cộng: **12.200.000** đồng (*Mười hai triệu hai trăm ngàn đồng*).

** Tại các bản khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ, bị đơn trình bày:*

Tôi không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bởi vì tôi đã thực hiện đúng nhiệm vụ của cơ quan giao cho, không làm sai. Đồng thời, không có văn bản pháp lý nào khẳng định tôi làm sai quy định. Tôi không khiếu kiện ông Đặng Công N lên Tòa án, và cũng không làm gì để mất 6 công ngày lao động của ông N như ông N đã trình bày, hơn nữa tôi không chửi bới, xúc phạm danh dự nhân phẩm của ông N. Việc cấp đất cho ông Đoàn Văn C ở xóm Thổ Đá là H toàn đúng, không có cơ quan nào kết luận là Phòng Địa chính làm sai.

** Tại công văn số 554/UBND–VP ngày 31/5/2021 và các tài liệu có trong hồ sơ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân (UBND) huyện S, tỉnh Phú Yên trình bày:*

Thứ nhất, Việc ông Đặng Công N yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn H bồi thường thiệt hại số tiền 12.200.000 đồng về khoản bồi thường thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra quy định tại Điều 598 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đây là nội dung không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện, đề nghị Tòa án nhân dân huyện S giải quyết theo thẩm quyền

Thứ hai, Nội dung ông N khai về việc ông H cắm mốc giao đất sai cho ông Đoàn Văn C, Tổ kiểm tra của Đảng ủy cơ quan chính quyền đã có báo cáo kết quả kiểm tra, xác minh đơn tố cáo đối với đồng chí Trần Văn H, đảng viên – Phó trưởng ban pháp chế HĐND huyện (hiện nay là chuyên viên Phòng Tư pháp huyện) và kết luận: *Nội dung đơn tố cáo nêu “ông Trần Văn H người trực tiếp vẽ quy hoạch, cấp đất cho ông C năm 1997 sai” là đúng.* C bộ Văn phòng HĐND và UBND huyện đã tổ chức họp kiểm điểm đồng chí Trần Văn H và đề nghị đề nghị đồng chí Trần Văn H nghiêm túc rút kinh nghiệm và không đề nghị hình thức kỷ luật. Tuy nhiên sự việc trên không gây ảnh hưởng hay thiệt hại gì

đối với gia đình ông Đặng Công N. Nhà nước không thu hồi đất của ông N để giao cho ông Đoàn Văn C.

Thứ ba, ông Đặng Công N phải đi đến Tòa án (với tư cách là bị đơn), nguyên nhân là do bà Lê Thị Băng T (người nhận chuyển quyền sử dụng đất của ông C) khởi kiện cho rằng ông Đặng Công N lấn chiếm đất. Việc ông Đặng Công N đến Tòa án để bảo vệ quyền lợi cho mình là nghĩa vụ của mọi công dân khi được Tòa án mời.

Thứ tư, trước đây ông Đặng Công N đã khiếu nại Ủy ban nhân dân huyện đòi bồi thường số tiền 12.200.000 đồng nhưng UBND huyện S không thụ lý giải quyết yêu cầu của ông Đặng Công nhân bởi vì căn cứ khoản 1, 2 Điều 7 của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước yêu cầu của ông N là không có cơ sở, căn cứ để giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng; Việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát cùng cấp và người tham gia tố tụng đúng theo quy định.

- Về nội dung vụ án: Việc ông N tham gia phiên tòa là quyền và nghĩa vụ của đương sự theo Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét yêu cầu của nguyên đơn là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Buộc nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ kiện “Đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

[2] *Về sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Xét thấy, Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng đã có lời khai và văn bản trình bày ý kiến có trong hồ sơ, không có yêu cầu phản tố và không ai có ý kiến gì về sự vắng mặt này. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án:*

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn H bồi thường thiệt hại ngoài hợp

đồng và theo Điều 598 bộ luật dân sự quy định về bồi thường thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra số tiền 12.200.000 đồng.

Trong đó bao gồm:

- Tiền công 06 lần đến Tòa án huyện S 6 lần x 200.000 đồng = 1.200.000 đồng.

- Tiền công xăng xe 04 lần đến Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên 4 lần x 250.000 đồng = 1.000.000 đồng.

- Tiền thiệt hại và bồi thường danh dự = 10.000.000 đồng.

Nguyên đơn cung cấp 02 bản án sơ thẩm, phúc thẩm là tài liệu photo để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình ngoài ra không có tài liệu chứng cứ gì khác.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] *Về yêu cầu tiền chi phí đi lại và tiền mất thu nhập khi tham gia tố tụng tại phiên tòa:* Nguyên đơn yêu cầu nhưng không cung cấp các hóa đơn chứng từ liên quan đến tiền xe, tiền công lao động thực tế bị mất. Hơn nữa tại phiên tòa nguyên đơn khẳng định bản thân “ở không” (không lao động) thỉnh thoảng mới đi làm thuê nên việc yêu cầu bồi thường mất ngày công lao động là không có cơ sở. Bên cạnh đó ông N tham gia phiên tòa với tư cách là bị đơn là quyền và nghĩa vụ của ông N quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, yêu cầu này không có cơ sở.

[3.2] *Về yêu cầu bồi thường thiệt hại về danh dự:* Nguyên đơn trình bày hành vi của bị đơn gây thiệt hại cho bản thân và gia đình nhưng không có tài liệu nào thể hiện thiệt hại về danh dự của nguyên đơn như thế nào, đồng thời trong hồ sơ có biên bản xác minh đề ngày 27/02/2020 thể hiện gia đình nguyên đơn là gia đình văn hóa nhiều năm liền. Từ những luận điểm trên, có thể thấy nguyên đơn không bị thiệt hại về danh dự, do đó yêu cầu này không có cơ sở.

[3.3] *Về yêu cầu bồi thường do người thi hành công vụ gây ra:* Nguyên đơn trình bày nguyên đơn bị thiệt hại do hành vi làm sai của người thi hành công vụ (bị đơn H) gây ra quy định tại Điều 598 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên nguyên đơn không cung cấp được các tài liệu chứng minh xác định có hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây thiệt hại ảnh hưởng trực tiếp đến bản thân nguyên đơn N quy định khoản 1, 2 Điều 7 của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và Điều 598 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy yêu cầu này không có cơ sở để chấp nhận.

[3.4] *Bị đơn trình bày:* “Tôi không khiếu kiện N như ông N đã trình bày, hơn nữa tôi không chửi bới, xúc phạm danh dự hay kiện ông Đặng Công N lên Tòa án và cũng không làm gì để mất 06 công ngày lao động của ông dự nhân phẩm của ông N”.

Đồng thời tại phiên tòa, nguyên đơn khẳng định ông H không khởi kiện và cũng không yêu cầu ông N phải tham gia tố tụng tại phiên tòa. Căn cứ Điều

92 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX nhận định đây là tình tiết không phải chứng minh.

[3.5] Bị đơn còn trình bày “Việc cấp đất cho ông Đoàn Văn C ở xóm Thổ Đá là H toàn đúng, không có cơ quan nào kết luận là Phòng Địa chính làm sai.” Tuy nhiên, thực tế người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khẳng định “ông Trần Văn H người trực tiếp vẽ quy hoạch, cấp đất cho ông C năm 1997 sai” là đúng. C bộ Văn phòng HĐND và UBND huyện đã tổ chức họp kiểm điểm đồng chí Trần Văn H và đề nghị đồng chí Trần Văn H nghiêm túc rút kinh nghiệm và không đề nghị hình thức kỷ luật.

Tuy nhiên sự việc trên không gây ảnh hưởng hay thiệt hại gì đối với gia đình ông Đặng Công N. Nhà nước không thu hồi đất của ông N để giao cho ông Đoàn Văn C. Đồng thời, việc ông Đặng Công N đến Tòa án để bảo vệ quyền lợi cho mình là nghĩa vụ của mọi công dân khi được Tòa án mời.

Từ những luận điểm trên, căn cứ Điều 91, 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử nhận định phần trình bày của nguyên đơn không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên nguyên đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 miễn toàn bộ tiền án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 70, 91, 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 188 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 584, 585 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 7 của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đặng Công N.

2. Án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 3 Điều 26 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm,

thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí cho nguyên đơn Đặng Công N.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện S(2);
- CCTHADS huyện S;
- Lưu: AV; HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sô Thị Mẹo